

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 04/2018/DS-GĐT

Ngày 09-4-2018

V/v Yêu cầu hủy di chúc và
chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:
14 (mười bốn) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình - Chánh án
Tòa án nhân dân tối cao làm chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Hải Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân
dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê
Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên
tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Yêu cầu hủy di chúc và chia di sản thừa
kế” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 43A
H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 127 L, thành phố
K, tỉnh Kon Tum.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 13 L, thành phố K,
tỉnh Kon Tum.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 18 N, thành phố K,
tỉnh Kon Tum.

3. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1965; cư trú tại: Số 274B P, thành phố
P, tỉnh G.

4. Ông Lê Xuân T2, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 176 (số cũ 127) L, thành
phố K, tỉnh Kon Tum.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh L1, sinh năm 1978; địa chỉ: 18 Rue Vi ger App#2 -
Gatineau QCJ 9 A1J5 - Canada.

6. Cụ Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1933; địa chỉ: 9221 Mackenzie Dr, Phoenix
AZ85307, USA.

Người đại diện hợp pháp của cụ Đ: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11-4-2012).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26-8-2010, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09-5-2011 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Tấn Đ (cư trú tại Mỹ), cụ Phạm Thị X (chết ngày 03-10-2009); hai cụ có 02 người con chung là bà Nguyễn Thị Kim P và bà; còn bà Phạm Thị Kim H là con riêng của cụ X. Trước giải phóng, cụ X có tạo lập được khối tài sản là nhà đất số 127 L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Năm 1972, cụ Đ xuất cảnh sang Mỹ. Năm 1973, cụ X chung sống với cụ Nguyễn H, không đăng ký kết hôn nhưng vẫn ở trong căn nhà nêu trên và sinh được 03 người con là bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị Thanh L1 (cư trú tại Canada). Năm 2009, cụ X tháo dỡ nhà cũ và xây dựng căn nhà 04 tầng trên đất.

Ngày 25-6-2007, cụ X lập di chúc tặng cho bà T và bà L1 toàn bộ nhà đất nêu trên, có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, di chúc của cụ X không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật: Người lập di chúc không tự viết di chúc, nội dung di chúc chỉ tặng cho nhà không tặng cho đất, di chúc không có người làm chứng, trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đang giữ. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án hủy di chúc của cụ X lập và chia thừa kế di sản của cụ X là nhà đất diện tích 45,4m² theo pháp luật, bà xin nhận giá trị.

Tại lời khai ngày 25-8-2011, bà L khai cụ X và cụ Đ sống chung như vợ chồng và không đăng ký kết hôn; nhà đất là tài sản chung của cụ X và cụ Đ. Sau khi cụ Đ xuất cảnh sang Mỹ (năm 1972) thì năm 1973, cụ X chung sống với cụ H.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà nhất trí về quan hệ huyết thống cũng như ngày chết của cụ X như bà L trình bày. Nhà đất tại số 127 L, thành phố K là tài sản riêng của X, không phải là tài sản chung với cụ Đ. Bà không đồng ý hủy di chúc của cụ X lập ngày 25-6-2007 và chia di sản thừa kế theo pháp luật vì di chúc hợp pháp và được lập tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K; khi lập di chúc thì cụ X minh mẫn và tự nguyện lập di chúc, không ai ép buộc; di chúc do bà L1 viết và ghi đúng ý chí của cụ X, có ông Quách C Tổ trưởng Tổ dân phố ký làm chứng và Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K chứng thực. Nội dung di chúc của cụ X là tặng cho bà và bà L1 nhà đất nêu trên, người được hưởng tài sản theo di chúc phải có trách nhiệm nuôi cụ X cho đến khi chết. Vợ chồng bà có chăm sóc cụ X, khi cụ X chết thì vợ chồng bà bỏ tiền ra làm ma và thờ cúng cụ X, không có ai đóng góp gì.

Thực tế cụ X chỉ có căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 28,8m² đã bị hư hỏng. Năm 2009, vợ chồng bà có mua thêm diện tích đất 16,6m² của Nhà nước (phía sau nhà đất của cụ X) và tự bỏ tiền ra xây dựng căn nhà 4 tầng trên đất, nhà xây xong tháng 11-2009, khi xây không có giấy phép xây dựng và ở từ đó cho đến nay, số tiền xây nhà hết 1.200.000.000 đồng, tiền bỏ ra xây nhà vợ chồng bà vay

Ngân hàng công thương - Chi nhánh K 800.000.000 đồng còn lại là tiền của vợ chồng bà. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu hủy di chúc của cụ X và yêu cầu chia thừa kế nhà đất theo pháp luật bà không nhất trí, bà đề nghị Tòa án công nhận di chúc của cụ X hợp pháp, nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật bà xin nhận hiện vật và trả giá trị cho các thừa kế khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Kim H trình bày: Việc bà L yêu cầu hủy di chúc của cụ X và chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất số 127 L, thành phố K bà đề nghị giải quyết theo pháp luật, bà xin không tham gia tố tụng. Nếu bà được hưởng kỷ phần thừa kế, bà từ chối nhận và nhường lại cho 05 thừa kế còn lại.

2. Bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Bà nhất trí như bà L trình bày. Di sản của cụ X được chia cho 06 anh chị em và cha của bà là cụ Đ; nhà đất là do cha mẹ bà tạo lập từ trước giải phóng. Căn nhà trên đất 4 tầng là do cụ X bỏ tiền ra xây dựng, bà T chỉ đóng góp thêm một ít, bà không rõ là bao nhiêu. Nếu Tòa án chia thừa kế bà đồng ý nhận giá trị và để bà T được sử dụng nhà đất.

3. Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Khi cụ X chết thì bà L và bà T đã tranh chấp nhà đất này, việc bà L và bà T tranh chấp nhà đất bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, nếu chia thừa kế theo pháp luật, bà xin được nhận giá trị. Khi cụ X chết thì bà T là người lo tang, cúng giỗ và xây mộ cho cụ X.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh L1 trình bày: Bà được hưởng tài sản theo di chúc của cụ X, bà tự nguyện từ chối hưởng di sản và nhượng quyền được hưởng cho bà T.

5. Ông Lê Xuân T2 (chồng bà T) trình bày: Diện tích 15,4m² phía sau nhà do vợ chồng ông bỏ tiền ra mua ngày 19-01-2009, giá 154.770.000 đồng và có nhờ ông Lâm Văn K ở bên cạnh nộp tiền, vì ông K lúc đó cũng nộp tiền mua đất cùng. Căn nhà 4 tầng trên đất do vợ chồng ông bỏ tiền ra xây dựng hết 1.200.000.000 đồng. Khi cụ X chết cũng do vợ chồng ông làm ma chay, thờ cúng và xây mồ mả. Nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, vợ chồng ông xin nhận nhà và trả giá trị cho các thừa kế.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DS-ST ngày 05-01-2011, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Hủy di chúc của cụ Phạm Thị X lập ngày 25-6-2007 vì di chúc không hợp pháp.

Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu căn nhà 4 tầng tổng diện tích sàn là 178,2m² và quyền sử dụng lô đất diện tích 45,2m² ở tại số 127 L - Thành phố K - Tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01168 ngày 27-4-2009 mang tên cụ X, lô đất có tứ cận như sau:

Đông giáp đường L dài 3,6m.

Tây giáp thửa đất số 55 dài 3,6m.

Nam giáp thửa đất số 53, 195 dài 12,52m.

Bắc giáp thửa số 50, 193 dài 12,83m.

Bà T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.200.000.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 1.200.000.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.200.000.000 đồng. Sau khi bà T thanh toán xong khoản tiền cho bà L, bà T1 và bà P, bà T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17-01-2011, bà T kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 15/QĐ/KNPT-DS ngày 27-01-2011, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà L vào tham gia tố tụng là vi phạm Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền nộp cho Nhà nước để được sử dụng phần đất 15,4m² và số tiền xây dựng căn nhà 4 tầng đang tranh chấp thì ai là người bỏ tiền, cụ X hay vợ chồng bà L bỏ tiền ra xây dựng; đồng thời, Tòa án miễn giảm ½ án phí cho bà L và bà P là không đúng pháp luật.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2011/DS-ST ngày 17-3-2011, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DS-ST ngày 05-01-2011 của Tòa án nhân dân thành phố K.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2014/DS-ST ngày 21-4-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà 04 tầng tọa lạc trên lô đất tại địa chỉ 127 (cũ) L, thành phố K của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà L đề ngày 26-8-2010 và đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 09-5-2011.

Hủy di chúc của cụ Phạm Thị X lập ngày 25-6-2007. Di sản của cụ X được chia theo pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 1.183.619.359 đồng. Giao cho bà T được quyền sử dụng lô đất diện tích là 45,4m² trị giá 5.918.096.800 đồng, trên đất tọa lạc ngôi nhà 04 tầng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 333948, thửa số 194, tờ bản đồ số 13 do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 27-4-2009 mang tên cụ X, có từ cận như sau:

- Đông giáp đường L rộng 3,6m.
- Tây giáp thửa đất ông Đoàn Kim T rộng 3,6m.
- Nam giáp thửa đất ông Lâm Văn K dài 12,52m.
- Bắc giáp thửa đất ông Dương Minh H dài 12,83m.

Bà T phải thanh toán cho bà L số tiền 1.183.619.359 đồng.

Bà T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.183.619.359 đồng.

Bà T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 1.183.619.359 đồng.

Bà T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh L1 số tiền 1.183.619.359 đồng.

Tạm giao kỹ phần thừa kế của bà L1 số tiền 1.183.619.359 đồng cho bà T quản lý. Nếu bà L1 có yêu cầu nhận thì bà T phải có trách nhiệm giao lại số tiền nêu trên cho bà L1.

Sau khi bà T thanh toán xong khoản tiền nêu trên cho bà L, bà P, bà T1 và bà L1 thì bà T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-4-2014, bà Nguyễn Thị T và ông Lê Xuân T2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2014/DS-PT ngày 28-7-2014, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân T2 và sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 652; 653; 654; 655; 658; 674; 675; 676; khoản 2 Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về yêu cầu hủy di chúc của cụ Phạm Thị X được lập, chứng thực ngày 25-6-2007 và chia di sản thừa kế của cụ X.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 08-10-2014 bà L có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 53/2017/KN-DS ngày 13-7-2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2014/DS-PT ngày 28-7-2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2014/DS-ST ngày 21-4-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Phạm Thị X (chết ngày 03-10-2009) và cụ Nguyễn Tấn Đ (cư trú tại Mỹ) sống chung như vợ chồng và có 02 người con chung là bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị Kim L. Trước khi sống chung với cụ Đ, cụ X có 01 người con riêng là bà Phạm Thị Kim H. Theo lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và bị đơn là bà Nguyễn Thị T thì cụ Đ xuất cảnh sang Mỹ năm 1972. Năm 1973, cụ X chung sống với cụ Nguyễn H (đã chết) không đăng ký kết hôn và có 03 người con chung là bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thanh L1 (cư trú tại Canada).

[2] Ngày 01-9-1971, cụ X nhận chuyển nhượng của ông Tô Văn Đ lô đất số 32, tọa lạc tại Sân Vận Động, đường T, tỉnh Kon Tum; giấy nhượng đất có xác nhận của chính quyền chế độ cũ, nay là số 127 L, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Năm 1989, cụ X được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, diện tích là 28,8m². Năm 2008, Nhà nước giao đất có thu tiền; theo đó, vợ chồng bà T (chồng là ông Lê Xuân T2) được chính quyền địa phương giao cho một phần đất 15,4m² (phía sau nhà đất của cụ X), vợ chồng bà T nộp ngân sách Nhà nước số tiền 154.000.000 đồng. Bà T nhập phần đất 15,4m² vào diện tích đất của cụ X, nhưng nhà đất vẫn đứng tên cụ X (năm 2009, Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ X bao gồm đất của cụ X và đất của vợ chồng bà T mua). Cùng năm 2009, vợ chồng bà T dỡ nhà cũ của cụ X và xây căn nhà 4 tầng trên đất. Như vậy, diện tích đất 28,8m² là cụ X nhận chuyển nhượng trong thời gian cụ X và cụ Đ sống chung với nhau như vợ chồng, cùng tạo lập tài sản, nên phải xác định là tài sản chung của cụ X và cụ Đ. Hơn nữa, sau khi cụ Đ xuất cảnh thì cụ X sống chung với cụ Nguyễn H (cha của bà T1, bà T và bà L1), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ cụ H có công sức đóng góp vào di sản thừa kế hay không; cụ X và cụ H chung sống có đủ điều kiện xác định là hôn nhân thực tế hay không, nên chưa đủ căn cứ để giải quyết triệt để vụ án.

[3] Ngày 25-6-2007, cụ X lập di chúc tặng cho nhà đất số 127 L, phường Q, thành phố K nêu trên cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thanh L1, di chúc có xác nhận của chính quyền và do bà L1 viết, có chữ ký của ông Quách C là Tổ trưởng Tổ dân phố và cụ X có ký tên vào di chúc. Tại Biên bản xác minh ngày 25-10-2010, ông Quách C xác nhận do cụ X không biết chữ nên di chúc do bà L1 viết, cụ X chỉ ký tên vào di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ cụ X có biết chữ hay không? Nếu cụ X không biết chữ thì di chúc của cụ X không hợp pháp vì không tuân thủ quy định tại Điều 656 và Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, chưa đủ cơ sở để xác định di chúc có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế theo pháp luật và Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế theo di chúc của cụ X đều chưa đủ căn cứ. Khi giải quyết lại vụ án Tòa án phải làm rõ vấn đề nêu trên và nếu không có chứng cứ gì khác thì phải chia thừa kế theo pháp luật mới đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và khoản 2 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 53/2017/KN-DS ngày 13-7-2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2014/DS-PT ngày 28-7-2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2014/DS-ST ngày 21-4-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về vụ án “Yêu cầu hủy di chúc và chia di sản thừa kế” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L với bị đơn là bà Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 - VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Vụ GDKT II (02 bản),
Vụ PC & QLKH - TANDTC, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

(Đã ký)

Nguyễn Hòa Bình